

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện.

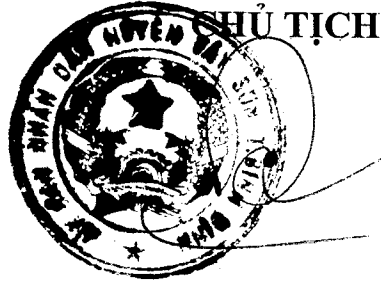
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động tại các cơ quan nhà nước thuộc UBND huyện (có phụ lục các Quy trình kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện, chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở KH&CN tỉnh;
- Chi cục TCĐLCL tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP+CV;
- Lưu: VT.



Phan Chí Hùng

Tây Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2020

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Phương châm hoạt động: **“DÂN CHỦ, NHANH GỌN, ĐÚNG LUẬT”**

Tập thể lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Ủy ban nhân dân huyện cam kết:

1. Thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất và phù hợp nhất với các quy định hiện hành của pháp luật, cung cấp cho mọi cá nhân và tổ chức các dịch vụ hành chính công trên cơ sở đúng luật, đúng hẹn, công khai, minh bạch.

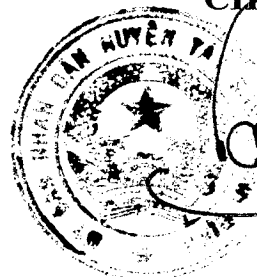
2. Cán bộ, công chức, viên chức Ủy ban nhân dân huyện có tác phong làm việc nghiêm túc, có thái độ tôn trọng, hòa nhã khi giao tiếp với cá nhân, tổ chức; xây dựng môi trường công sở văn minh và hiện đại.

3. Lắng nghe đầy đủ, thấu hiểu yêu cầu và hướng dẫn giải thích tận tình, chu đáo mọi thắc mắc của cá nhân, tổ chức.

4. Xây dựng và thực hiện các quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, công khai, minh bạch, đúng luật và đúng thời gian quy định.

Chính sách chất lượng được Ủy ban nhân dân huyện xem xét mỗi năm một lần nhằm đảm bảo phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Phan Chí Hùng

Tây Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2020

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG

Căn cứ vào Chính sách chất lượng của Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn đã cam kết, với phương châm trong hoạt động giải quyết công việc, thủ tục hành chính **“Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật”**:

Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn công bố các mục tiêu chất lượng năm 2020 đối với các lĩnh vực ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, cụ thể như sau:

1. 100% hồ sơ được thụ lý đúng luật.
2. 98% hồ sơ được giải quyết đúng hẹn.
3. 100% các quy trình, thủ tục liên quan được niêm yết công khai.
4. Mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân được khảo sát ý kiến đạt >85%.
5. 100% cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
6. Thực hiện việc công bố sự phù hợp Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định.

Các phòng, ban chức năng thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn căn cứ mục tiêu chung để cụ thể hóa thành mục tiêu của đơn vị mình, đề ra các biện pháp để tổ chức thực hiện./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Chí Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện
phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
đối với các lĩnh vực hoạt động tại các cơ quan nhà nước**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5036/QĐ-UBND
Ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Bảng công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Tây Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH



Phan Chí Hùng



Tây Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2020

BẢNG XÁC NHẬN
Hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;


Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện.

XÁC NHẬN:

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND huyện có hiệu lực đối với các hoạt động, việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tiêu chuẩn quốc gia và mô hình khung của Hệ thống quản lý chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN tỉnh;
- Chi cục TCĐLCL tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn
- Lãnh đạo VP+CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phan Chí Hùng

PHỤ LỤC
Các quy trình áp dụng trong Hệ thống quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

tại các cơ quan nước thuộc UBND huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5036/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện)



TT	Tên Quy trình	Mã số	Lần ban hành
A	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng		
1	Chính sách chất lượng	CSCL	01
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01
4	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT.01	01
5	Quy trình kiểm soát rủi ro và cơ hội	QT.02	01
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.03	01
7	Quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa	QT.04	01
8	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT.05	01
9	Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT.06	01
B	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính		
I	THANH TRA HUYỆN		
1	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT.TTr.01	01
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT.TTr.02	01
3	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT.TTr.03	01
4	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT.TTr.04	01
5	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT.TTr.01	01
II	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HUYỆN		
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	QT.NN.01	01
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.NN.02	01
3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.NN.03	01

4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	QT.NN.04	01
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	QT.NN.05	01
6	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	QT.NN.06	01
7	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.NN.07	01
8	Xác nhận Bảng kê lâm sản	QT.NN.08	01
III	PHÒNG Y TẾ HUYỆN		
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp huyện	QT.YT.01	01
IV	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN		
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.01	01
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.02	01
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.03	01
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.04	01
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.05	01
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.06	01
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.07	01
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.08	01
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.09	01
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.10	01
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.11	01
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.12	01
13	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu huyện	QT.KTHT.13	01
14	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện	QT.KTHT.14	01

15	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện	QT.KTHT.15	01
16	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh	QT.KTHT.16	01
17	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước.	QT.KTHT.17	01
18	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.KTHT.18	01
19	Cấp phép sử dụng vỉa hè, lòng đường làm nơi để xe	QT.KTHT.19	01
20	Cấp phép sử dụng vỉa hè vào việc kinh doanh, buôn bán hàng hóa	QT.KTHT.20	01
21	Cấp phép đào, lấp vỉa hè, lòng đường để thi công công trình hạ tầng kỹ thuật	QT.KTHT.21	01
22	Cấp phép xây dựng, lắp đặt các công trình nổi trên đường đô thị	QT.KTHT.22	01
23	Gia hạn giấy phép sử dụng vỉa hè, lòng đường	QT.KTHT.23	01
24	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.KTHT.24	01
V	PHÒNG NỘI VỤ		
1	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.NV.01	01
2	Thành lập hội	QT.NV.02	01
3	Phê duyệt điều lệ hội	QT.NV.03	01
4	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.NV.04	01
5	Đổi tên hội	QT.NV.05	01
6	Hội tự giải thể	QT.NV.06	01
7	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.NV.07	01

8	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.NV.08	01
9	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT.NV.09	01
10	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT.NV.10	01
11	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT.NV.11	01
12	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.NV.12	01
13	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.NV.13	01
14	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.NV.14	01
15	Đổi tên quỹ	QT.NV.15	01
16	Quỹ tự giải thể	QT.NV.16	01
17	Thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.NV.17	01
18	Xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.NV.18	01
19	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.19	01
20	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.20	01
21	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.21	01
22	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	QT.NV.22	01
23	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.23	01
24	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.24	01
25	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.25	01
26	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.26	01

27	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.27	01
28	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.28	01
29	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.29	01
30	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.30	01
31	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	QT.NV.31	01
32	Tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT.NV.32	01
33	Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT.NV.33	01
34	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.NV.34	01
35	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT.NV.35	01
36	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.NV.36	01
37	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	QT.NV.37	01
VI	PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		
1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT.LĐTBXH.01	01
2	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT.LĐTBXH.02	01
3	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QT.LĐTBXH.03	01
4	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT.LĐTBXH.04	01
5	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT.LĐTBXH.05	01

6	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐT BXH.06	01
7	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐT BXH.07	01
8	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐT BXH.08	01
9	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐT BXH.09	01
10	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT.LĐT BXH.10	01
11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.LĐT BXH.11	01
12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT.LĐT BXH.12	01
13	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐT BXH.13	01
14	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc	QT.LĐT BXH.14	01
15	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là trẻ em có cả cha, mẹ bị chết, mất tích mà không có người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc người thân thích không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng	QT.LĐT BXH.15	01
16	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, gồm: nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú hoặc đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	QT.LĐT BXH.16	01

17	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú giữa huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐTBOXH.17	01
18	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện	QT.LĐTBOXH.18	01
19	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.LĐTBOXH.19	01
20	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐTBOXH.20	01
21	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.LĐTBOXH.21	01
22	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.LĐTBOXH.22	01
23	Giải quyết trợ cấp tiên tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	QT.LĐTBOXH.23	01
24	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT.LĐTBOXH.24	01
25	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.LĐTBOXH.25	01
26	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBOXH.26	01
27	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBOXH.27	01
28	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.LĐTBOXH.28	01
29	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.LĐTBOXH.29	01
30	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.LĐTBOXH.30	01
31	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.LĐTBOXH.31	01
32	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.LĐTBOXH.32	01
33	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT.LĐTBOXH.33	01

34	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT.LĐTBXH.34	01
35	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.LĐTBXH.35	01
36	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.36	01
37	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.LĐTBXH.37	01
38	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT.LĐTBXH.38	01
39	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.LĐTBXH.39	01
40	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	QT.LĐTBXH.40	01
41	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐTBXH.41	01
42	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐTBXH.42	01
VII	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN HUYỆN		
1	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT.VHTT.01	01
2	Điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT.VHTT.02	01
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.03	01
4	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.04	01
5	Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.05	01

6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.06	01
7	Công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT.VHTT.07	01
8	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa	QT.VHTT.08	01
9	Xét tặng giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT.VHTT.09	01
10	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VHTT.10	01
11	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VHTT.11	01
12	Công nhận “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VHTT.12	01
13	Công nhận lại “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VHTT.13	01
14	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.14	01
15	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.15	01
16	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT.VHTT.16	01
17	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.17	01
18	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.18	01
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.19	01
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.20	01
21	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.21	01
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.22	01
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.23	01
24	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.24	01
VIII	PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN		
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.TP.01	01
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.02	01
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.03	01
4	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.04	01

5	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.05	01
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.06	01
7	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.07	01
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử)	QT.TP.08	01
9	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.09	01
10	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.10	01
11	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.11	01
12	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.12	01
13	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.13	01
14	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.14	01
15	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.15	01
16	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.16	01
17	Cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc; chỉnh sửa nội dung bằng tiểu học, trung học cơ sở; điều chỉnh, thay đổi nội dung trong sổ hộ khẩu	QT.TP.17	01
18	Liên thông thủ hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TP.18	01
19	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.19	01
20	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.20	01
21	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.21	01

22	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.22	01
23	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.23	01
24	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.24	01
25	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.25	01
26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.26	01
27	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.27	01
28	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.28	01
29	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.29	01
30	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.30	01
31	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (huyện)	QT.TP.31	01
32	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT.TP.32	01
33	Phục hồi danh dự	QT.TP.33	01
IX	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN		
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TNMT.01	01
2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.02	01
3	Chuyển mục đích sử dụng đất	QT.TNMT.03	01
4	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	QT.TNMT.04	01
5	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT.TNMT.05	01

6	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT.TNMT.06	01
7	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TNMT.07	01
X	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH HUYỆN		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TCKH.01	01
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH.02	01
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.03	01
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.04	01
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH.05	01
6	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.06	01
7	Quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.07	01
8	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.08	01
9	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.09	01
10	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.10	01
11	Quyết định điều chuyển tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.11	01
12	Quyết định bán tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.12	01

13	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.13	01
14	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.14	01
15	Quyết định thanh lý tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.15	01
16	Quyết định tiêu hủy tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.16	01
17	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.17	01
18	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.18	01
19	Mua quyền hóa đơn (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.19	01
20	Mua hóa đơn lẻ (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT.TCKH.20	01
21	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT.TCKH.21	01
22	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.22	01
23	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.23	01
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.24	01
25	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT.TCKH.25	01
26	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT.TCKH.26	01
27	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT.TCKH.27	01
28	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT.TCKH.28	01
29	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT.TCKH.29	01
30	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.30	01
31	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.TCKH.31	01

32	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.TCKH.32	01
33	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.33	01
34	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.34	01
35	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.35	01
36	Quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành	QT.TCKH.36	01
XI	VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND HUYỆN		
1	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020	QT.VP.01	01
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VP.02	01
3	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VP.03	01

Tổng cộng: 220 TTHC